TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Võ Văn Cường**

2. Ông **Trần Trung Nhân**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Bà **Huỳnh Thị Cẩm –** Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 389/2019/TLST–HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp *"Xin Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Cẩm D,** sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Huỳnh Đ,** sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Số 354A, tổ 17, khu 1, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị D có mặt tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Cẩm D trình bày*:

Chị và anh Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ giữa năm 2018 đến nay. Nguyên

nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình. Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 28/12/2015. Hiện cháu đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Đều không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Huỳnh Đ không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc chị D khởi kiện.

Tại phiên toà, chị D vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên. Anh Đ vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; riêng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án vi phạm quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về việc vắng mặt của đương sự*: Xét thấy, anh Nguyễn Huỳnh Đ là bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc chị D khởi kiện đến lần thứ hai, nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung của chị và anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện C, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Chị D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung giữa chị và anh Đ nên xác định đây là tranh chấp Xin ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang số 07, ngày 17/02/2016, nên xác định hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Theo lời chị D khai, anh - chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ giữa năm 2018 đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình. Còn anh Đ, trong quá trình giải quyết vụ án đã được Toà án thông báo, triệu tập hợp lệ việc chị D xin ly hôn anh, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị D. Đồng thời xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi cho mình. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D và cho chị D được ly hôn với anh Đ là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh, chị có 01 con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 28/12/2015. Hiện cháu đang sống với chị D từ khi anh, chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay đã ổn định. Bản thân anh Đ cũng không có ý kiến gì đối với việc chị D yêu cầu nuôi con chung. Do đó không cần xáo trộn tình cảm của con chung mà tiếp tục giao cháu V cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị D yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, cháu Nguyễn Thảo V là con chung của chị D và anh Đ. Anh Đ là người không trực tiếp nuôi con nên anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị D. Mức cấp dưỡng chị D yêu cầu mỗi tháng 1.000.000 đồng cũng phù hợp với mức thu nhập trung bình ở địa phương hiện nay. Do vậy, chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị D. Buộc anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp với các Điều 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

[3]. Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh Đ phải chịu án phí về phần cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị D, anh Đ được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Cẩm D.

Cho chị Ngô Cẩm D được ly hôn với anh Nguyễn Huỳnh Đ.

[2]. Về con chung:

- Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Ngô Cẩm D.

Giao con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 28/12/2015 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

[3]. Về tài sản chung: Không có.

[4]. Về nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí:

- Chị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 10378 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên xem như chị D đã thi hành xong phần án phí.

- Anh Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6]. Về quyền kháng cáo:

- Chị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Anh Đ được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND thị trấn B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM VĂN NHỊN